

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/HS-ST  
Ngày: 31-3-2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Thu Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Phúc Ân và ông Nguyễn Văn Bạ .

**- Thư ký phiên toà:** Ông Đặng TH Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Như Sáng và ông Nguyễn Anh Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93A/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1978 tại TS, BS, LN, Bắc Giang.

Nơi ĐKNKTT: thôn TS, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị N; vợ là Nguyễn Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16-11-2018; tạm giam từ ngày 25-11-2018 tại Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương.

2. Họ và tên: Phạm Văn Q1, sinh ngày 19-9-2000 tại T Sơn, Bảo Sơn, Lục Nam, Bắc Giang.

Nơi ĐKNKTT: thôn TS, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; G tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Phạm Đình P và bà Bùi Thị M; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16-11-2018, tạm giam từ ngày 25-11-2018 tại Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn G, sinh năm 1966 tại HS 2, BS, LN, Bắc Giang.

Nơi ĐKNKTT: thôn HS 2, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/10; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Dương Thị N (đã chết); vợ là Vũ Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16-11-2018, tạm giam từ ngày 25-11-2018 tại Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương.

4. Họ và tên: Giáp Văn M, sinh năm 1987 tại tại BL 2, BS, LN, Bắc Giang.

Nơi ĐKNKTT: thôn BL 2, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Giáp Văn M và bà Nguyễn Thị L; vợ là Trần Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16-11-2018, tạm giam từ ngày 25-11-2018 tại Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương.

5. Họ và tên: Dương Văn N, sinh năm 1988 tại tại thôn B, xã TL, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ĐKNKTT: thôn B, xã TL, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; G tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; con ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị Đ; vợ là Nguyễn Thị Ng và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16-11-2018, tạm giam từ ngày 25-11-2018 tại Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương.

6. Họ và tên: Tạ Văn Đ, sinh năm 1989 tại khu 2, thị trấn K, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ĐKNKTT: tại khu 2, thị trấn K, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Tạ Văn Nh và bà Dương Thị G; vợ là Trần Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16-11-2018, tạm giam từ ngày 25-11-2018 tại Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương.

*Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

*- Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đỗ Văn TH, sinh năm 1989 (*vắng mặt tại phiên tòa*).

Địa chỉ : Thôn TS, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1975 (*có mặt tại phiên tòa*).

Địa chỉ: Thôn H 2, xã B, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

*- Những người tham gia tố tụng khác:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1982; trú tại : Tân Thịnh - huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (*người làm chứng vắng mặt phiên tòa*) .

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 06-2018, Nguyễn Văn Q quen biết với hai đối tượng tên là Q1, H (nhà ở Hải Dương, chưa xác định rõ nhân thân, lý lịch). Q1, H đặt mua của Q 20 thùng pháo giàn loại 36 quả với giá 6.700.000đ/thùng, 200 bánh pháo dây với giá 560.000đ/bánh và ứng trước cho Q số tiền 40.000.000đ, Q đồng ý và gọi điện cho Phạm Văn Q1 để mua số lượng pháo như đã nêu trên, thỏa thuận với Q1 giá 5.700.000đ/thùng pháo giàn và 470.000đ/bánh pháo dây, Q1 đồng ý. Sau khi nhận đặt hàng của Q thì Phạm Văn Q1 đến nhà Nguyễn Văn G ở thôn HS 2, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang để hỏi mua pháo về bán cho Q. G bán cho Q1 trước 02 thùng pháo giàn loại 36 quả với giá 5.500.000đ/thùng và 37 bánh pháo dây với giá 400.000đ/bánh, số còn lại G hẹn gom hàng giao cho Q1 sau. Đến khoảng tháng 7 năm 2018, Phạm Văn Q1 bán trước cho Q số pháo đã mua được của G gồm 02 thùng pháo giàn loại 36 quả với giá 5.700.000đ/thùng và 37 bánh pháo dây với giá 470.000đ/bánh, Q mua số pháo này và cất giấu tại nhà ở thôn TS, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang với mục đích tiếp tục gom đủ số pháo để bán cho Q1 và H. Đến khoảng giữa tháng 11/2018, Q1 và H ở Hải Dương tiếp tục đặt mua của Q 10 thùng pháo giàn loại 36 quả và tiếp tục ứng cho Q số tiền 150.000.000đ. Q đồng ý và gọi điện cho Phạm Văn Q1 đặt thêm 10 thùng pháo giàn. Q1 đồng ý và tiếp tục hỏi mua thì G báo giá tăng lên 6.500.00đ/thùng pháo giàn và 500.000đ/bánh pháo dây nên Q1 báo giá lại và thống nhất bán cho Q với giá 6.700.000đ/thùng pháo giàn và 560.000đ/bánh pháo dây, Q đồng ý và báo giá lại cho H và Q1 ở Hải Dương là 7.500.00đ/thùng pháo giàn và 600.000đ/bánh pháo dây, H và Q1 đồng ý. Phạm Văn Q1 gọi điện cho Giáp Văn M hỏi mua từ 9 đến 10 thùng pháo giàn, M đồng ý bán cho Q1 với giá 5.800.000đ/thùng và gọi điện cho Dương Văn N để hỏi mua pháo, N đồng ý bán cho M với giá 5.600.000đ/thùng pháo giàn. Sau đó, N gọi điện cho Tạ Văn Đ để hỏi mua pháo, thống nhất với Đ giá 5.400.000đ/thùng pháo giàn. Sau khi Đ đồng ý bán pháo thì Phạm Văn Q1 cho Q số điện thoại của M để Q liên lạc trực tiếp với M và hẹn đến khoảng 05 giờ ngày 16/11/2018 sẽ có pháo. Q bảo M chờ pháo đến khu vực qua biển báo huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang để giao hàng. Q và Q1 thống nhất với nhau tiền lãi bán số pháo mua của M sẽ chia đôi.

Chiều ngày 15-11-2018, Phạm Văn Q1 đến nhà G để hỏi về số pháo và điện cho Q đến nhà G để xem pháo và đặt tiền. Sau đó Q cùng Q1, H (người Hải Dương) đến nhà G để xem pháo nhưng chưa có đủ pháo nên Q hẹn G khoảng 3 giờ sáng ngày 16-11-2018 có bao nhiêu pháo thì sẽ mua. Để chuẩn bị pháo bán cho Q, G nhiều lần đi đường tiểu ngạch sang Trung Quốc và mua của đối tượng không rõ nhân thân, lý lịch 1.980.000đ/thùng pháo giàn và 110.000đ/bánh pháo dây và mang về cất giấu ở nhà. Q nhờ M thuê hộ xe để chở pháo đi bán, M thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova, biển số 30A-287.83 của anh Đỗ Văn TH, sinh năm 1989, trú tại thôn TS, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang (khi thuê xe M

không nói cho anh TH biết đi chở pháo). Khoảng 03 giờ ngày 16-11-2018, TH chở M, cùng với Q1, H (người Hải Dương) đến nhà Q và chuyển số pháo trước đó Q đã mua được của Phạm Văn Q1 lên xe ô tô đi sang nhà G. Khi đi đến nhà G thì G bảo Q đưa cho chị Vũ Thị H (là vợ của G) số tiền 150.000.000đ để trả trước tiền pháo (Q đưa tiền cho chị H nhưng không nói là tiền gì). Trước đó, G đã lấy pháo cất ở nhà xếp lên xe công nông đầu ngang không có biển số của G và điều khiển ra bãi đất trống trong vườn. Sau khi đưa tiền xong Q cùng G, Q1, H, M, TH đi ra khu đất trống để vận chuyển 09 thùng pháo lên xe của TH thì xe chật, số pháo còn lại Q bảo G để chở chuyển sau. Sau đó, Q đi xe mô tô nhãn hiệu Future Neo biển số 98Y2-5806 chở Q1, còn TH điều khiển xe ô tô chở H đến khu vực thôn Trung Quê, xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương; M đi đón xe chở pháo của N. Khi đến nơi, Q, Q1 và H vận chuyển từ trên xe xuống 13 thùng pháo để dưới đất, TH điều khiển xe đi về trước.

Trước đó, khoảng 1 giờ sáng ngày 16-11-2018, Đ thuê xe ô tô nhãn hiệu Kiamorning, biển số 98A- 079.66 do anh Trần Văn T, sinh năm 1982, trú tại xã T Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang lái xe đi lên Lạng Sơn để mua pháo (Đ không nói cho anh T biết việc đi chở pháo). Khi đi đến ngã ba mèu thuộc huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, Đ mua của một người đàn ông tên Thiện (chưa xác định được nhân thân, lý lịch) 09 thùng pháo giàn với giá 3.800.000 đồng/thùng. Vì xe chật nên Thiện tách 01 thùng pháo ra đóng vào 03 thùng nên chuyển vào xe cho Đ tổng số 08 thùng pháo. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 16/11/2018, T điều khiển xe cùng Đ chở pháo đến địa điểm đã hẹn với N tại thôn Trung Quê, xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương để giao pháo thì gặp Q, Q1, H, M, N đã chờ từ trước. Sau đó, M cùng Đ và N chuyển số pháo mua được ở Lạng Sơn xuống xe để cạnh vị trí số pháo do Q chở đến thì ngay lúc đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương phát hiện bắt quả tang, Q1, H, M bỏ chạy. Q, Đ, N khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngày 16-11-2018, Nguyễn Văn G, Phạm Văn Q1, Giáp Văn M đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương đầu thú.

*Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ:* 03 thùng cát tông bên trong đều có 24 vật hình hộp chữ nhật, mỗi vật đều có 36 vật hình trụ tròn kết thành giàn, bên trong mỗi vật hình trụ tròn đều chứa chất rắn được đánh số thứ tự thùng 1, 4 và 21; 05 thùng cát tông bên trong đều có 18 vật hình hộp chữ nhật, mỗi vật đều có 36 vật hình trụ tròn kết thành giàn, bên trong mỗi vật hình trụ tròn đều chứa chất rắn được đánh số thứ tự thùng 2, 7, 8, 9 và 18; 02 thùng cát tông bên trong đều có 20 vật hình trụ tròn, bên trong mỗi vật có các vật hình trụ tròn được kết nối thành dây được cuộn tròn, được đánh số thứ tự thùng 3 và 6; 01 thùng cát tông bên trong đều có 26 vật hình trụ tròn, bên trong mỗi vật có các vật hình trụ tròn được kết nối thành dây được cuộn tròn, được đánh số thứ tự lần lượt là 5; 03 thùng cát tông bên trong lần lượt mỗi thùng có 10, 16 và 25 vật hình trụ tròn được kết nối thành dây được cuộn tròn, được đánh số thứ tự lần lượt là 16, 19 và 20; 04 thùng cát tông bên trong đều có 18 vật hình hộp chữ nhật, mỗi vật đều có 36 vật (thời) hình trụ tròn bên trong mỗi vật đều chứa chất rắn được đánh số thứ tự là 10, 11,

12 và 13; 02 thùng cát tông bên trong đều có 12 vật hình tròn chữ nhật, mỗi vật đều có 49 vật hình trụ tròn bên trong mỗi vật đều chứa chất rắn được đánh số thứ tự thùng 15 và 17; 01 thùng cát tông bên trong có 5 vật hình hộp chữ nhật, mỗi vật đều có 100 vật (thỏi) hình trụ tròn, bên trong mỗi vật đều chứa chất rắn được đánh số thứ tự 14, ngoài ra bên trong thùng có còn 2 vật hình hộp chữ nhật, mỗi vật đều có 36 vật (thỏi) hình trụ tròn bên trong mỗi vật đều chứa chất rắn; số tiền 15.000.000đ thu trên người của Q; 01 xe mô tô Future Neo màu đỏ trắng bạc, BKS 98Y2-5806 của Nguyễn Văn Q; 01 xe mô tô Exceter màu vàng đen, BKS 98F1- 118.17 của Dương Văn N; 01 xe ô tô nhãn hiệu Kiamorning, BKS 98A- 079.66 do Trần Văn T giao nộp.

*Quản lý đồ vật các đối tượng tự nguyện giao nộp gồm:* 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova, BKS 30A-287.83 do Đỗ Văn TH giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobel, màu đen viền xanh, có số IMEI1: 810033600343906; IMEI2: 810033600343906 được lắp sim: 0383.805.257 của Nguyễn Văn G giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, màu vàng đồng, có số IMEI: 353027091191144; được lắp sim: 0372.654.574 của Tạ Văn Đ giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 5130C-2, màu đỏ- đen, có số IMEI: 358643046744327; được lắp sim: 0394.418.097 của Dương Văn N giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, bạc, có số IMEI 1: 357231082815085; IMEI 2: 357231082815093, được lắp sim 1: 0968.348.955; sim 2: 0377.435.360 của Nguyễn Văn Q giao nộp.

*Chị Vũ Thị H tự nguyện giao nộp số tiền:* 150.000.000đ do Q đưa cho và 700.000đ tiền bán công nông.

*Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn G thu giữ:* 184 vật dạng hình hộp chữ nhật, mỗi vật đều có 36 vật hình tròn kết thành bệ, bên trong các vật hình trụ tròn này đều chứa chất rắn có kích thước (16 x 15 x 15) cm, khối lượng 1,4 kg/ 1 vật. Được đựng trong 11 thùng khi thu giữ đánh số thứ tự 01, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11; 21 tràng, mỗi tràng gồm các vật hình trụ tròn, kích thước đường kính khoảng 1 cm, dài 5 cm, vỏ ngoài giấy màu đỏ kết nối mỗi vật dạng dây, tạo thành tràng, mỗi tràng có khối lượng 1kg, dài 3 m; đánh số thứ tự 12.

Tại kết luận giám định số 6421 ngày 19-11-2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Các mẫu vật có ký hiệu: M1, M3, M4, M5 đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ): khối lượng của M1 là 230,6 kg; khối lượng của M3 là 103,9 kg; khối lượng của M4 là 46,4 kg; khối lượng của M5 là 23 kg.

- Mẫu vật có ký hiệu M2 là pháo nổ, khối lượng là 116,4 kg.

Trả lại mẫu vật sau khi trích 32,3kg pháo để giám định.

Tại kết luận giám định số 6434 ngày 19-11-2018 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận số pháo thu giữ khi khám xét khám cấp tại nhà Nguyễn

Văn G thể hiện: mẫu vật có ký hiệu M1 là pháo nổ có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có tiếng nổ), khối lượng là 264kg; mẫu vật có ký hiệu M2 là pháo nổ, khối lượng là 20,4 kg. Hoàn lại mẫu vật sau khi trích 28 kg pháo để giám định.

*Về việc thu giữ và xử lý vật chứng:* trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiêu hủy toàn bộ số pháo hoàn lại sau giám định và trả lại những tài sản gồm: Trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova, BKS 30A-287.83 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Văn TH, sinh năm 1989, trú tại thôn TS, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang và trả lại xe ô tô nhãn hiệu Kiamorning, BKS 98A-079.66 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Mạnh Giang, sinh năm 1987, trú tại thôn Cà, xã TT, huyện LG, tỉnh Bắc Giang; trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future Neo, BKS 98Y2-5806 và số tiền 15.000.000đ do Q không sử dụng vào việc phạm tội cho chị Nguyễn Thị L (vợ Q), sinh năm 1981, trú tại thôn T Sơn, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; trả lại chiếc xe mô tô Exceter màu vàng đen, BKS 98F1- 118.17 do N không sử dụng vào việc phạm tội cho chị Nguyễn Thị Ngoan (vợ N), sinh năm 1988, trú tại thôn B, xã TL, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; số tiền 150.700.000đ do chị Vũ Thị H giao nộp đã được gửi tại Kho bạc nhà nước thị xã Chí Linh theo quy định. Đối với điện thoại kèm theo sim số của M và Q1 đã làm rơi mất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Chí Linh không thu giữ được.

Tại cáo trạng số 10/CT-VKSCL ngày 30-01-2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Q1, Nguyễn Văn G, Giáp Văn M, Dương Văn N, Tạ Văn Đ về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa:*

Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Q1, Giáp Văn M, Dương Văn N, Tạ Văn Đ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng. Do nhận thức pháp luật hạn chế và ham lợi nhuận các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã ăn năn hối lỗi đối với hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn G khai nhận đã bán cho bị cáo Q tổng số 574,1kg pháo, nhưng bị cáo xác định số pháo cơ quan điều tra thu giữ 264kg là do bị cáo tự nguyện giao nộp chứ không phải do cơ quan cơ quan điều tra khám xét và thu giữ tại nhà ở của bị cáo. Bị cáo nhận thức hành vi của mình vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chị Vũ Thị H trình bày: Khi nhận thức được hành vi của bị cáo Nguyễn Văn G là vi phạm pháp luật, chị đã tự nguyện đem toàn bộ số tiền do nhận từ bị cáo Q và số tiền bán chiếc công nông giao nộp cho cơ quan điều tra. Nay chị đề nghị tòa án giải quyết các số tiền trên theo quy định của pháp luật, chị không có ý kiến gì khác. Về việc thu giữ số pháo tại nhà ở của chị và bị cáo G chị xác định tại thời điểm cơ quan điều tra lập biên bản khám xét chị đại diện gia đình đã ký, nay chị đề nghị tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo G.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ N quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Toà án: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Q1, Nguyễn Văn G, Giáp Văn M, Dương Văn N, Tạ Văn Đ phạm tội: *"Buôn bán hàng cấm"*.

Áp dụng điểm c khoản 3, 4 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Q1, Nguyễn Văn G, Giáp Văn M.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 13 năm đến 13 năm 06 tháng tù , tính từ ngày bị tạm giữ 16-11-2018.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q1 từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm tù , tính từ ngày bị tạm giữ 16-11-2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 11 năm 06 tháng đến 12 năm tù, tính từ ngày bị tạm giữ 16-11-2018.

Xử phạt bị cáo Giáp Văn M từ 10 năm đến 10 năm 06 tháng tù, tính từ ngày bị tạm giữ 16-11-2018.

Áp dụng điểm c khoản 3, 4 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Dương Văn N, Tạ Văn Đ. Xử phạt mỗi bị cáo từ 10 năm đến 10 năm 06 tháng tù, tính từ ngày bị tạm giữ 16-11-2018.

- Về trách nhiệm dân sự: không.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu, phát mai sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, bạc, có số IMEI 1:357231082815085; IMEI 2: 357231082815093, kèm theo các sim số 0968.348.955 và 0377.435.360 của Nguyễn Văn Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu 5130C-2, màu đỏ-đen, có số IMEI: 358643046744327, kèm theo sim sim số 0394.418.097 của Dương Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobel, màu đen viền xanh, có số IMEI 1: 810033600343906; IMEI 2: 810033600343906, kèm theo sim số 0383.805.257 của Nguyễn Văn G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, màu vàng đồng, có số IMEI : 353027091191144, kèm theo sim số 0372.654.574 của Tạ Văn Đ; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 150.700.000đ. Truy thu số tiền thu lời bất chính của bị cáo Nguyễn Văn Q 11.210.000đ, truy thu của bị cáo Phạm Văn Q1 3.190.000đ, truy thu của bị cáo Nguyễn Văn G 17.770.000đ.

Về hình phạt bổ sung: Phạt mỗi bị cáo từ 20 đến 30 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25-11-2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo trình bày lời nói sau cùng đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6-2018 đến ngày 16-11-2018, Nguyễn Văn Q đặt vấn đề và mua pháo của Phạm Văn Q1 để bán lại cho các đối tượng tên Q1, H (chưa xác định được nhân thân, lý lịch cụ thể). Phạm Văn Q1 đã mua và môi G để Nguyễn Văn G bán lại cho Q tổng khối lượng pháo là 574,1kg (trong đó có 136,8kg pháo nổ; 437,3kg là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ). Đồng thời Q1 tiếp tục môi G để Q mua pháo của Giáp Văn M, M mua lại của Dương Văn N, N mua lại của Tạ Văn Đ rồi bán cho Q với khối lượng là 230,6kg là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ. Đến khoảng hơn 6 giờ sáng ngày 16-11-2018 khi Q cùng M, N, Đ đang tập kết pháo tại khu vực thôn Trung Quê, xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương để bán cho Q1, H thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Hải Dương phát hiện bắt quả tang, thu giữ 520,3kg pháo. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn G thu giữ 284,4kg pháo. Tổng số pháo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Q1 mua lại để bán cho hai đối tượng tên Q1, H là 804,7 kg pháo nổ. Trong khi bắt quả tang Q1, H, M bỏ chạy. Sau đó Nguyễn Văn G, Phạm Văn Q1, Giáp Văn M đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Hải Dương đầu thú.

Hành vi của của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới hoạt động quản lý kinh tế của Nhà nước đối với những loại hàng hóa mà pháp luật cấm kinh doanh. Pháo nổ là mặt hàng Nhà nước độc quyền quản lý. Nhà nước đã có quy định nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép pháo. Mọi hành vi sản xuất, lưu thông, sử dụng pháo nổ có nguy cơ gây ra nổ làm thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản. Đồng thời việc đốt

pháo gây ra lãng phí rất lớn tiền của cho xã hội. Mặc dù nhận thức rõ được điều đó nhưng với mục đích tư lợi, các bị cáo đã coi thường pháp luật của nhà nước lén lút mua bán pháo nổ gây mất trật tự, trị an trên địa bàn, làm ảnh hưởng nếp sống văn hóa của dân tộc. Các bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp buôn bán số lượng pháo lớn. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Buôn bán hàng cấm quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Q, Q1 là người khởi xướng buôn bán tổng số 804,7kg pháo. Bị cáo G, N, Đ là người thực hành tích cực trong đó bị cáo G buôn bán tổng số 574,1kg pháo giữ vai trò thứ hai. Còn bị cáo N, Đ buôn bán tổng số 230,6kg pháo nên giữ vai trò cuối cùng. Vì thế để có mức án phù hợp với hành vi của từng bị cáo cần phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo để áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp.

[4]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy:

VỀ NHÂN THÂN: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhân thân tốt. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên các bị cáo được Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Nguyễn Văn G, Phạm Văn Q1, Giáp Văn M đã tự nguyện đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Hải Dương đầu thú. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn Q có ông nội Nguyễn Văn Ngà là liệt sĩ và bố là ông Nguyễn Văn Đãi tham gia thanh niên xung phong; bị cáo Nguyễn Văn G có bố là ông Nguyễn Văn Bính, mẹ là bà Dương Thị Nga là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, đồng thời bị cáo tích cực tác động gia đình giao nộp số tiền do phạm tội mà có nên các bị cáo Q, G, Q1, M được Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Q1, Q đã tự nguyện nộp tiền cho cơ quan thi hành án nhằm khắc phục hậu quả thiệt hại nên các bị cáo được Hội đồng xét xử thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn G khai tự nguyện giao nộp 264kg pháo cho cơ quan điều tra. Tại biên bản khám xét vào hồi 01 giờ ngày 17-11-2018 tại nhà ở của Nguyễn Văn G thể hiện cơ quan điều tra thu giữ số pháo tại kho liên kề gian phòng ở tại tầng 1 nhà ở của Nguyễn Văn G, giám định tổng trọng lượng 264kg. Biên bản do cơ quan điều tra công an tỉnh Hải Dương lập, có sự chứng kiến của ông Chu Văn Hợp, trưởng công an xã Bảo Sơn đại diện chính quyền địa phương, ông Đào Hữu Nhiên - trưởng thôn Bảo Sơn, đại diện gia đình bà Vũ Thị H - vợ của bị cáo G. Tại đơn đề nghị ngày 20-3-2019 do bà Vũ Thị H gửi tòa án có xác nhận của ông Chu Văn H ngày 23-3-2019 với nội dung: Khi cơ quan điều tra đến khám xét nhà ở của Nguyễn Văn G vào đêm ngày 15-11-2018

rạng sáng ngày 16-11-2018 thì con trai của bị cáo G có đi chở pháo từ nơi khác về giao nộp cho cơ quan điều tra. Tại đơn trình bày ngày 19-11-2020 ông Chu Văn Hợp xác nhận: việc khám xét và thu giữ số pháo tại nhà ở của bị cáo Nguyễn Văn G đúng như nội dung biên bản khám xét do cơ quan điều tra công an tỉnh Hải Dương lập ngày 17-11-2018. Việc ông xác nhận vào đơn cho bà H ngày 23-3-2019 là do nhận thức pháp luật hạn chế nghĩ là xác nhận như vậy bị cáo sẽ được giảm nhẹ hình phạt. Ngoài lời khai, bị cáo cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời khai tại phiên tòa của bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo thực hiện hành vi buôn bán pháo nổ nhằm mục đích kiếm lợi nhuận nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, bạc, có số IMEI 1:357231082815085; IMEI 2: 357231082815093, kèm theo các sim số 0968.348.955 và 0377.435.360 của Nguyễn Văn Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu 5130C-2, màu đỏ-đen, có số IMEI: 358643046744327, kèm theo sim số 0394.418.097 của Dương Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobel, màu đen viền xanh, có số IMEI 1: 810033600343906; IMEI 2: 810033600343906, kèm theo sim số 0383.805.257 của Nguyễn Văn G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, có số IMEI : 353027091191144, kèm theo sim số 0372.654.574 của Tạ Văn Đ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước. Số tiền 150.000.000đ thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn G là tiền do phạm tội mà có, số tiền 700.000đ tiền bán chiếc xe công nông là công cụ phung phí tiền sử dụng việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a, b Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b,c khoản 2 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự. Đối với số pháo hoàn lại sau giám định cơ quan điều tra đã tiến hành tiêu hủy nên không xem xét.

Truy thu số tiền thu lời bất chính do các bị cáo Q, Q1, G sau các lần mua bán pháo mà có cụ thể như sau: Bị cáo Q được ứng trước số tiền 40 triệu đồng sau đó đặt mua pháo của Phạm Văn Q1. Q1 mua của G 02 thùng pháo giàn với giá 5.500.000 đồng/1 thùng và 37 bánh pháo dây với giá 400.000 đồng/bánh; tổng số tiền pháo Q1 mua của G là 25.800.000đ. Sau đó, Q1 bán lại cho Q 02 thùng pháo giàn với giá 5.700.000đ/1 thùng và 37 bánh pháo dây với giá 470.000đ/bánh, thu được tổng số tiền là 28.790.000đ. Do vậy, lần thứ nhất, Q1 bán cho Q thu lợi số tiền là 2.990.000đ. Số tiền Q còn thừa sau khi được ứng tiền lần thứ nhất là: 40.000.000 đồng - 28.790.000đ = 11.210.000đ. Bị cáo G mua pháo ở biên G với Trung Quốc 02 thùng pháo giàn giá 1.980.000đ/1 thùng và 37 bánh pháo dây giá 110.000đ/bánh, hết tổng số tiền là 8.030.000đ. Do vậy, sau khi bán số pháo với giá nêu trên cho Q1 thì G thu lợi là 25.800.000đ - 8.030.000đ = 17.770.000đ. Do vậy cần phải truy thu của bị cáo Q số tiền 11.210.000đ, bị cáo Q1 số tiền 2.990.000đ và bị cáo G số tiền 17.770.000đ sung quỹ Nhà nước.

[7]. Các vấn đề khác:

Đối với 02 thanh niên tên là Q1, H đặt mua số pháo nổ của Q và người đàn ông tên Thiện bán pháo nổ cho Đ, tài liệu điều tra chưa có căn cứ xác định được nhân thân, lý lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Chí Linh tiếp tục xác minh làm rõ, có căn cứ xử lý sau.

Đối với anh Đỗ Văn TH và anh Trần Văn T được M và Đ thuê chở pháo, khi được thuê và quá trình vận chuyển anh TH và anh T không biết số hàng hóa nhận chở thuê là pháo nổ; chị Vũ Thị H không biết việc G cất giấu pháo nổ tại nhà để bán cho bị cáo Q1 và không tham gia buôn bán pháo nổ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Q1, Nguyễn Văn G, Giáp Văn M, Dương Văn N, Tạ Văn Đ phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

Căn cứ điểm c khoản 3, 4 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Q1, Nguyễn Văn G, Giáp Văn M.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 13(mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 16-11-2018.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q1 từ 12(mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 16-11-2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 11 (mười một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 16-11-2018.

Xử phạt bị cáo Giáp Văn M từ 10(mười) năm 9 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 16-11-2018.

Căn cứ điểm c khoản 3, 4 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Dương Văn N, Tạ Văn Đ.

Xử phạt bị cáo Dương Văn N 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 16-11-2018.

Xử phạt bị cáo Tạ Văn Đ từ 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 16-11-2018.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Q1 mỗi bị cáo 50.000.000đ, phạt bị cáo Nguyễn Văn G 40.000.000đ, phạt bị cáo Giáp Văn M, Dương Văn N, Tạ Văn Đ mỗi bị cáo 30.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, bạc, có số IMEI 1:357231082815085; IMEI 2: 357231082815093, kèm theo các sim số 0968.348.955 và 0377.435.360 của Nguyễn Văn Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu 5130C-2, màu đỏ-đen, có số IMEI: 358643046744327, kèm theo sim số sim: 0394.418.097 của Dương Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobel, màu đen viền xanh, có số IMEI 1: 810033600343906; IMEI 2: 810033600343906, kèm theo sim số 0383.805.257 của Nguyễn Văn G; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, có số IMEI : 353027091191144, kèm theo sim số 0372.654.574 của Tạ Văn Đ; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 150.700.000đ thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn G (tình trạng vật chứng được mô tả chi tiết trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 18-2-2019 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Chí Linh với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh); Đối với số pháo hoàn lại sau giám định cơ quan điều tra đã tiến hành tiêu hủy nên không xem xét.

Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 11.210.000đ của bị cáo Nguyễn Văn Q đã nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Chí Linh theo biên lai thu tiền số AA/2011/08206 ngày 04 -5-2019; truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 2.990.000đ của bị cáo Phạm Văn Q1 đã nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Chí Linh theo biên lai thu tiền số AA/2011/08205 ngày 04 -5-2019; truy thu của bị cáo Nguyễn Văn G số tiền 17.770.000đ sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Q1, Nguyễn Văn G, Giáp Văn M, Dương Văn N, Tạ Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về Q kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Q1, Nguyễn Văn G, Giáp Văn M, Dương Văn N, Tạ Văn Đ, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt mặt có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Cơ quan CSĐT TP. Chí Linh;
- Bộ phận nghiệp vụ cung an TP. Chí Linh;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THA đồn sự TP. Chí Linh;
- Các bị cáo;
- Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Thu Hằng**

